

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2022/DS-PT

Ngày: 26-12-2022

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản QSDĐ;
yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022; về việc tranh chấp “Đòi tài sản QSDĐ, nhà ở; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022, của Toà án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2022/QĐPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1962; cư trú: đường L, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

1.2 Nguyễn Văn M, sinh năm 1961; cư trú: ấp VT, thị trấn VT, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông M, bà L: bà Lê Lâm Th sinh năm 1970; cư trú: khóm ĐT 8, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang; theo giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng nhận (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1960 (có mặt).

2.2 Ông Nguyễn Sĩ H, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng cư trú: đường L, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà Ng: Luật sư Huỳnh Hồng D – Văn phòng Luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.
Địa chỉ: phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Nguyễn Thái Học nối dài, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 07 đường Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Nguyễn Thị Xuân Ph, sinh năm 1982;

3.5. Ông Nguyễn Sĩ Ph1, sinh năm 1986 ;

3.6. Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, sinh năm 1984;

3.7. Em Trần Khã V, sinh năm 2005;

3.8. Em Lê Minh Q, sinh năm 2020.

Cùng địa chỉ theo HKTT: đường L, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thúy L , Nguyễn Văn M là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Sĩ H là bị đơn trong vụ án.

Người kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2017, ngày 21 tháng 3 năm 2018, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn M cùng trình bày: bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng, bà L là em ruột của bà Nguyễn Thị Thúy Ng. Ông Nguyễn Văn T là ông ngoại của bà L, bà Ng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị Th có các người con gồm: Bà Nguyễn Thị V đã chết (là mẹ của bà L, bà Ng), ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N.

Khi ông T còn sống có tạo lập được tài sản là căn nhà, đất tại phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang. Do nhu cầu bán nhà, đất để điều trị bệnh nên ông T cùng các con gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị N đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất 143,3m² cho bà L. Hai bên lập giấy mua bán vào năm 1999, nhưng do nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất nên ông T xin hợp thức hóa và được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $143,3m^2$, loại đất ở tại đô thị. Sau khi có giấy chứng nhận, ông T chuyển nhượng cho bà L theo hình thức lập hợp đồng chuyển nhượng tặng cho ngày 11/04/2002, được Ủy ban nhân dân phường MB chứng nhận. Bà L thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711/QSĐĐ/Aa ngày 13/05/2002.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà L và ông M không có nhu cầu sử dụng nên có để lại căn nhà cho bà Nguyễn Thị Thúy Nga, ông Nguyễn Sĩ Hùng cùng các con của ông bà quản lý sử dụng, thực tế là để cho bà Nga, không đồng ý cho ông H cùng các con của ông bà sử dụng và trong quá trình sử dụng, do nhu cầu cần vốn kinh doanh nên ông M và bà L nhiều lần thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2010 đến năm 2012, số tiền vay 200.000.000đ, khi vay tiền có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và cán bộ Ngân hàng nhiều lần L hệ trực tiếp tại nhà của bà L tại địa chỉ 59/3 Lê Văn Nhung, khóm 4, phường MB và khi thực hiện thủ tục cho vay, thế chấp quyền sử dụng đất, phía gia đình ông Hùng, Ng cùng các con đều biết, không tranh chấp và mặt nhiên xem nhà đất là của ông M và bà Liên.

Đến năm 2016, ông M và bà L yêu cầu ông H và Ng trả lại căn nhà đất để quản lý sử dụng, cho các con có nơi học tập thì phía bà Ng, ông H cùng các con không đồng ý. Nhiều lần hòa giải, thương lượng giữa các bên nhưng ông H Ng cố tình chiếm đoạt sử dụng.

Trong thời gian quản lý sử dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 thu hồi một phần diện tích đất $83,3m^2/143,3m^2$ để làm bờ kè sông hậu; gia đình bà L chấp hành chủ trương chung và đồng ý theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố LX. Tuy nhiên, phía gia đình ông H, Ng ngăn cản, tranh chấp cho rằng ông bà là người sử dụng đất nên không cho bà L nhận tiền bồi hoàn và Ủy ban nhân dân thành phố LX vẫn giữ số tiền bồi thường từ năm 2016 cho đến nay.

Việc ông H, Ng tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Mậu, bà L đã trực tiếp ảnh hưởng quyền lợi chính đáng được pháp luật bảo vệ nên ông M, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Sĩ H, bà Nguyễn Thị Thúy Ng trả lại căn nhà và đất diện tích khoảng $60,2m^2$ đất tọa lạc tại số 59/3 đường Lê Văn Nhung, khóm BM, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, tài sản có giá trị tạm tính 120.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H, Ng thì ông M, bà L không đồng ý, do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là hợp pháp, các con của ông T không tranh chấp, nên việc ông T tặng cho bà L là đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho bà L, không phải hủy giấy của ông T nên không L quan đến phần đất của bà L.

Bị đơn ông Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Thị Thúy Ng trình bày: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L thì phía bị đơn ông H, Ng không đồng ý và đưa ra yêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01711 QSDĐ/Aa, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 143,30m² do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho bà L vào ngày 13/5/2002 và yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi phần diện tích đất của bà L cho vợ chồng ông H, Ng quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố LX yêu cầu vắng mặt, chấp hành theo bản án quyết định của Tòa án, không yêu cầu độc lập, không đưa ra các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Xuân Ph, ông Nguyễn Sĩ Ph trình bày theo văn bản ghi ý kiến ngày 08/11/2021:

Bà Nguyễn Thị Xuân Ph trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L buộc ông Nguyễn Sĩ H, bà Nguyễn Thị Thúy Ng trả lại căn nhà và 60m² đất; bà Ph không đồng ý vì căn nhà đất đã được cha mẹ của bà Ph và gia đình sinh sống lâu đời từ trước 1985. Nay, do điều kiện và hoàn cảnh gia đình nên không có thời gian đến Tòa án nên mọi việc đều do cha mẹ của bà Ph là ông H, Ng toàn quyền quyết định, yêu cầu vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã xử:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 164, 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai; Điều 105, 115, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 11, 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Nguyễn Văn M đối với ông Nguyễn Sĩ H và bà Nguyễn Thị Thúy Ng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H cùng các ông bà có tên L quan gồm: Bà Nguyễn Thị Xuân Ph, Ông Nguyễn Sĩ Ph, Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, Em Trần Khả V (con bà Nguyễn Thị Xuân Tr do bà Trinh đại diện); và Em Lê Minh Qu, (con bà Nguyễn Thị Xuân Ph do bà Ph đại diện) hoàn trả lại số tiền 2.114.344.400đ (hai tỷ, một trăm, mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng) đối với giá trị nhà và đất diện tích 60,6m² đất tọa lạc tại số 59/3 đường

LVN khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang cho ông M và bà Liên. Kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX lập ngày 03/10/2018 và Chứng thư thẩm định giá số 316 BDS/2021/CT.ĐA ngày 20/05/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đông Á.

- Sau khi bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H cùng các ông bà có tên L quan gồm: Bà Nguyễn Thị Xuân Ph, Ông Nguyễn Sĩ Ph, Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, Em Trần Khã V (con bà Nguyễn Thị Xuân Tr do bà Tr đại diện); và Em Lê Minh Q, (con bà Nguyễn Thị Xuân Ph do bà Ph đại diện) thực hiện hoàn trả giá trị với số tiền 2.114.344.400đ cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thúy L thì các ông bà Nguyễn Thị Thúy Ng, Ông Nguyễn Sĩ H, Bà Nguyễn Thị Xuân Ph, Ông Nguyễn Sĩ Ph, Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, Em Trần Khã V (con bà Nguyễn Thị Xuân Tr do bà Tr đại diện); và Em Lê Minh Q, (con bà Nguyễn Thị Xuân Ph do bà Ph đại diện) và ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L, liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX lập ngày 03/10/2018 và chứng thư thẩm định giá số 316 BDS/2021/CT.ĐA ngày 20/05/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đông Á theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Sĩ H và bà Nguyễn Thị Thúy Ng đối với bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01711 QSDĐ/Aa, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 143,30m² do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 13/5/2002 cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy L;

- Không chấp nhận yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất còn lại được xác định là 60,6m² thể hiện theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX lập ngày 03/10/2018 và chứng thư thẩm định giá số 316 BDS/2021/CT.ĐA ngày 20/05/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đông Á cho ông H và bà Nga.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Ngày 28/01/2022 bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Nguyễn Văn M yêu cầu sửa án xin nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

Ngày 24/01/2022, bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án;

Tại Quyết định kháng nghị số 20/QĐKN ngày 28/01/2022, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX kháng nghị bản án dân sự nêu trên; đề nghị sửa án sơ thẩm, hoàn lại giá trị căn nhà 123.513.200 đồng, vì đây là giá trị tài sản được thẩm định theo biên bản định giá ngày 11/6/2020, dựa vào kết quả xem xét thẩm định, đo đạc ngày 03/10/2018; cách đây 03 năm và giá trị căn nhà này không đúng với hiện trạng căn nhà thực tế tại thời điểm xét xử;

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn cũng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất 60m², theo Thảm định giá 12/8/2022; không yêu cầu hoàn giá trị căn nhà; rút lại phần giá trị căn nhà; việc bị đơn cho rằng nhà, đất ở ông T đã cho ông H, Ng không có gì chứng minh; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Căn cứ vào giấy chứng nhận cấp cho bà L để buộc ông H, Ng trả lại căn nhà, đất ở nêu trên là không đúng; theo ông H thì ông Ngoại (ông T) đã cho bà Ng, ông H căn nhà này; tại quyết định hỗ trợ tiền di dời trụ điện 1.500.000đ cũng xác định số nhà 65/2; ông H, Ng đã ở từ năm 1978 tuy không làm giấy tờ nhưng được mọi người xung quanh đều biết; các giấy tờ mua bán đất, tặng cho có nhiều mâu thuẫn nhau; số tiền không thống nhất, tại sao bán căn nhà, đất có diện tích 190m², nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 143,3m² lại không khiếu nại; mặc dù, không có giấy tờ gì để chứng minh cho ông Hùng, Ng nhưng mọi người đều biết; về thủ tục cấp giấy cho bà L có nhiều mâu thuẫn; khi vẽ sơ đồ tại sao có căn nhà 59/3, trong khi vẫn tồn tại căn nhà 65/2 nhưng không thể hiện; tại sao số nhà do địa phương cấp 65/2 có hộ khẩu của ông Hùng, Ng mà chính quyền địa phương lại nói không có; hồ sơ cấp giấy cho bà L có nhiều mâu thuẫn chưa làm rõ; lúc ông T làm giấy tờ chuyển nhượng đã 82 tuổi; việc ổn định cho ông H, Ng để hoàn giá trị nhà, đất ở là hoàn toàn không phù hợp pháp luật;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, có ý kiến về phần kháng nghị, cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị đơn hoàn giá trị căn nhà là không đúng pháp luật (lý do chưa xem xét trừ giá trị căn nhà đã bồi hoàn trước đó); tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu này; nên thấy rằng kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố LX là có căn cứ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Qua đánh giá chứng cứ, hồ sơ tài liệu thể hiện cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn;

Sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà Ng, ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M, bà L số tiền 2.995.440.000đ; ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giá trị căn nhà; công nhận Quyết định số 1040 ngày 27/6/2016 của UBND thành phố LX về

bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà L số tiền 426.303.548đ; án phí do ông H, Ng có đơn xin miễn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; còn lại phải chịu theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn và Viện kiểm sát kháng cáo, kháng nghị hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ; nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX;

[3.1] Về nội dung: Ngày 06/03/1999, ông Nguyễn Văn T bán (nhường) căn nhà đất tại địa chỉ 59/3 đường LVN, phường MB, thành phố LX cho bà Nguyễn Thị Thúy L ; hai bên lập giấy mua bán giá bán 20.000.000đ, ông T đã nhận đủ tiền; tại thời điểm mua bán nhà đất, phía ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông T thực hiện thủ tục hợp thức hóa nhà đất và đến ngày 09/04/2002 ông T được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp giấy chứng nhận;

[3.2] Ngày 11/04/2002 ông T chuyển nhượng cho bà L theo thỏa thuận mua bán năm 1999, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng theo hình thức tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/04/2002, được Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố LX ký xác nhận. Theo đó, bà L thực hiện thủ tục để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711/Aa ngày 13/05/2002; diện tích 143,3m²; thửa 63; bản đồ 15; vị trí khu đất tọa lạc tại khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, mang tên bà Nguyễn Thị Thúy L .

[3.3] Tại văn bản được xác định vào ngày 06/03/1999 (BL 248); thể hiện ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1918, ngụ số 59/3 khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang hiện có làm chủ một căn nhà lợp sàn, vách lá, trên lợp mái tiếp rô xi măng (Fibro xi măng) có kích thước chiều ngang 5m x chiều dài 12m, chu vi đất có chiều ngang 9,5m x chiều dài 20m, vị trí tại địa chỉ nêu trên. Nay, ông T vì sức yếu thường hay bệnh hoạn nên ông làm giấy này nhượng lại cho cháu Ngoại là Nguyễn Thị Thúy L được quyền làm chủ căn nhà. Nếu ai tranh cản căn nhà thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm và có sự đồng ý của hai người con trai là Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N. Xét văn bản thể hiện được xác lập ngày 06/03/1999, ông T không ký tên, chỉ ghi họ tên và văn bản được ông S và ông N ký tên ghi rõ họ tên xác nhận nội dung chuyển nhượng nêu trên của ông T với bà L. Xét cùng văn bản tại mặt sau (trang 2) thể hiện biên nhận vào ngày 06/03/1999, ông Nguyễn Văn S và

ông Nguyễn Văn N có đồng ý bán lại một căn nhà của ông T (cha của ông S, N) cho bà L với số tiền 20.000.000đ. Nay, ông S và ông N nhận cọc trước số tiền 5.000.000đ, số tiền còn lại 15.000.000đ sau sáu tháng sẽ trả đủ.

[3.4] Biên nhận ngày 04/09/1999, ông Nguyễn Văn T bằng lòng nhượng lại một căn nhà của ông đang làm chủ để lại cho bà L với giá chuyển nhượng 20.000.000đ. Bà L có đưa trước 10.000.000đ, còn lại 10.000.000đ cuối năm 1999 sẽ trả đủ. Qua việc chuyển nhượng có sự chứng kiến và đồng ý của ông Nguyễn Văn S. Ông T đã nhận số tiền 15.000.000đ, đã ký tên ghi rõ họ tên vào ngày 04/09/1999 (BL 247).

[3.5] Giấy nhận tiền sang nhà và đất thổ cư ngày tháng năm không thể hiện và được xác định tại (BL 246) xác định ông Nguyễn Văn T làm chủ căn nhà lót sàn, vách lá, lợp tole tuýp rô xi măng có kích thước chiều ngang 5m x chiều dài 12m và đất thổ cư chiều ngang 9,5m x chiều dài 20m tọa lạc tại địa chỉ số 59/3 khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, giá chuyển nhượng 20.000.000đ, số tiền này đã nhận đủ trước sự chứng kiến của những người trong gia đình và kể từ nay bà L được toàn quyền sử dụng nhà, đất nêu trên. Văn bản được ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, Diệp Nguyễn Huỳnh M ký tên xác nhận sự thật.

[3.6] Giấy nhận tiền sang nhà và đất thổ cư ngày 24/02/2001 (BL 249) giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy L thể hiện ông T đã nhận đủ trước sự chứng kiến của những người trong gia đình và kể từ nay (ngày 24/02/2001) cháu L toàn quyền sử dụng nhà và đất thổ cư nêu trên. Theo giấy nhận tiền được ông T ký tên, ghi rõ họ tên, với sự chứng kiến của người làm chứng là bà Nguyễn Thị N, Diệp Nguyễn Huỳnh M, Nguyễn Thị Thúy K và được Tổ trưởng tổ 22, khóm Bình Long 4 ký xác nhận.

[3.7] Tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố LX về việc thu hồi đất một phần diện tích 83,3m²; số thửa 63, tờ bản đồ số 15, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711/QSDD/Aa do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 13/05/2002 (BL 66); mang tên Nguyễn Thị Thúy L; theo đó, bà L được xem xét, giải quyết bồi thường tại quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 21/06/2016 (BL 65); bồi thường và hỗ trợ cho bà L tổng chi phí 426.303.548đ gồm các khoản: Bồi thường về đất 291.550.000đ (83,3m² x 3.500.000đ/m²), chi phí về nhà và vật kiến trúc gồm: Nhà chính cấp IV - D, mái che, hàng rào, đồng hồ điện, đồng hồ nước, chi phí về cây trồng, cây xanh và quy định trường hợp bà L di dời, bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định thì được khen thưởng 5.000.000đ và các nội dung khác có L quan trong quyết định.

Trong thời gian sử dụng đất phía bị đơn không ý kiến tranh chấp, cũng không có khiếu nại về Quyết định bồi hoàn, hỗ trợ cho bà Liên; đồng thời việc bà L ông M vay tiền Ngân hàng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị đơn không có ý kiến, mặc nhiên xem như nhà, đất là của gia đình bà L. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ;

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy;

[4.1] Bị đơn ông H, Ng cho rằng nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp 143,3m² của ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị Th mua của ông Huỳnh Công M và ở ổn định từ trước giải phóng cho đến nay vào khoảng năm 1945 đến 1950. Ông T đăng ký kê khai sử dụng, các con của ông T và bà Th gồm: Bà Nguyễn Thị V (chết), Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị S thống nhất di sản để lại cho ông T quản lý nhưng không được toàn quyền quyết định do phát sinh thừa kế, các con của ông T gồm Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N còn quyền tranh chấp di sản thừa kế của bà Lâm Thị Th để lại.

[4.2] Theo ông H, Ng cho rằng bà L căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711/QSĐĐ/Aa, ngày 13/05/2002 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho bà L, đề yêu cầu ông H, Ng trả lại phần đất 60,2m² (60,6m²) trên đất có căn nhà với kết cấu sàn ván, vách ván + gạch, khung gỗ vuông + gỗ bạch đàn, sàn lững gỗ (vách tole), mái thiết Fibro xi măng + tole theo biên bản lập ngày 13/08/2018 là không có căn cứ. Do phần diện tích nhà đất đã được ông H và bà Ng cải tạo, sửa chữa thay đổi hiện trạng, ông H, Ng không tranh chấp với bà L về kết cấu căn nhà có sự thay đổi hiện trạng đã được xác lập ngày 01/04/2021 của Tòa án. Thống nhất giá trị tài sản tranh chấp do Hội đồng định giá xác định giá trị, kết hợp cùng kết quả định giá của Công ty Đông Á. Tuy nhiên, theo ông H, Ng trình bày; do bà L tự kê khai và ký tên để thực hiện các thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận cho ông Tập. Việc bà L tự ý ký tên kê khai thay cho ông T không được ông T ủy quyền ký các văn bản nhằm đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T nên thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không phù hợp, nhưng xác định chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, Ng vẫn xác định không yêu cầu chia thừa kế của mẹ đối với di sản của ông Tập, bà Th (do mẹ bà V chết); chỉ xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L.

[4.3] Tại tờ tường trình ngày 08/01/2021 (BL343) ông Nguyễn Văn S xác định ông là con của ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị Th và là cậu của bà Nguyễn Thị Thúy Ng, Nguyễn Thị Thúy L và Nguyễn Thị Thúy K. Cha mẹ của ông có các người con gồm: Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị N (bà Vân là mẹ của bà Ng, L - đã chết). Đối với phần diện tích đất tranh chấp đã được cha của ông là Nguyễn Văn T đã kêu bán cho bà L vào năm 1999 để lấy tiền cấp dưỡng, trị bệnh cho ông T; các thành viên trong gia đình khuyên bà L nên mua lại để giữ làm kỷ niệm, nên bà L, ông M đồng ý mua lại căn nhà đất tại địa chỉ số 59/3 gắn liền với phần đất 143,3m², giá bán 20.000.000đ. Sau khi mua xong, vợ chồng bà L làm giấy tờ thủ tục sang tên thì ông S biết rõ và mặc dù đã bán cho bà L ông M nhưng ông T vẫn sinh sống trong căn nhà đất đến khi chết. Ông S xác định các tờ mua bán nhà đất là do ông T xác lập, ông S có tham gia ký tên và ông T đã ký hợp đồng sang tên cho bà L, đến khi bà L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy đỏ) là đúng sự thật. Do đó, căn nhà đất tại số 59/3 Lê

Văn Nhung là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L, không có ai trong gia đình tranh chấp, khiếu nại.

[4.4] Bà Nguyễn Thị N xác nhận theo tờ trình ngày 08/01/2021 (BL341) bà N là con của ông T, bà Th, là di của bà Ng, L, K. Bà N xác định phần diện tích nhà, đất tranh chấp là của bà L, ông M đã mua bán với nhau vào năm 1999, ông T đã nhận đủ tiền và xác định các tờ mua bán giữa bà L, ông T là đúng sự thật. Riêng ông H, Ng gặp khó khăn nơi ở nên cha mẹ của bà N là ông T, bà Th có mua căn nhà số 65/2 của chủ cũ tên Kim Hồng ở mé sông cho ông H và Ng cư trú. Nay, bà N xác định căn nhà đất tại 59/3 LVN, có diện tích 143,3m² là của bà L, ông M, không tranh chấp khiếu nại gì đối với phần diện tích nhà đất ông T đã chuyển nhượng cho bà L.

[4.5] Tại tờ trình ngày 08/01/2021 (BL339) ông Nguyễn Văn S xác định là con của ông T, bà Th, là cậu của bà L, Ng, K. Năm 1999 ông T có bán căn nhà, đất 143,3m² cho bà L 20.000.000đ, đã nhận đủ tiền. Ông S không tranh chấp, khiếu nại đối với phần diện tích đất tranh chấp giữa các bên.

[4.6] Tại tờ trình ngày 08/01/2021 (BL 337), ông Nguyễn Văn N xác nhận: Ông N là con của ông T và bà Th, là cậu của bà Ng, L, K. Năm 1999 ông T chuyển nhượng căn nhà, đất 143,3m² với số tiền 20.000.000đ cho bà L là đúng sự thật. Bà L được toàn quyền quản lý sử dụng, ông không tranh chấp khiếu nại đối với tài sản tranh chấp giữa bà L, Ng và các đương sự khác có L quan.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của bà L, ông M; ông M, bà L có quyền đòi lại tài sản là phù hợp quy định tại Điều 166 Luật đất đai; Điều 105, 115, 166 Bộ Luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Yêu cầu phản tố của bị đơn chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711/QSĐĐ/Aa, ngày 13/05/2002 cấp biến động thay đổi từ ông T sang cho bà L, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là trái pháp luật nên không có căn cứ xem xét.

Tuy nhiên; xét thấy cần ổn định nơi ở của bị đơn và các đương sự có L quan nên tạo điều kiện cho bị đơn có nơi ở ổn định; cần buộc bị đơn hoàn trả giá trị cho nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Ở giai đoạn phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng căn nhà hiện đang tranh chấp có hộ khẩu cư trú là 65/2 Lê Văn Nhung; qua xác minh ngày 03/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, không có thông tin về căn nhà này và hiện tại trên đường LVN, phường MB, thành phố LX cũng không có căn nhà nào địa chỉ 65/2 đường LVN;

Phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị N “Riêng ông H, Ng gặp khó khăn nơi ở nên cha mẹ của bà N là ông T, bà Th có mua căn nhà số 65/2 của chủ cũ tên Kim Hồng ở mé sông cho ông H và Ng cư trú. Nay, bà N xác định căn nhà đất tại 59/3 Lê Văn Nhung có diện tích 143,3m² là của bà L, ông M, không tranh chấp

khiếu nại gì đối với phần diện tích nhà đất ông T đã chuyển nhượng cho bà L”;

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền giá trị căn nhà còn lại (sau khi bồi hoàn, hỗ trợ giải tỏa một phần căn nhà); chỉ yêu cầu bị đơn hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất 60m² theo giá của Chứng thư thẩm định giá ngày 12/8/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á; xét thấy yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 12/8/2022, thì giá trị quyền sử dụng đất có diện tích: 60m² x 49.924.000đ = 2.995.440.000đ; (lấy số tròn)

[8] Quá trình quản lý, sử dụng phía bị đơn có sửa chữa cải tạo làm tăng giá trị đất nên có xem xét cho bị đơn một phần công sức đóng góp để làm tăng giá trị đất (do bị đơn không chứng minh được làm tăng giá trị cụ thể); nên Hội đồng xem xét căn cứ công sức đóng góp là công sức bảo quản, gìn giữ tôn tạo tăng giá trị đất là 20%; cụ thể 60m² x 49.924.000đ x 20% = **2.396.352.000đ** (lấy tròn số);

[9] Cấp sơ thẩm, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có trách nhiệm hoàn trả giá trị căn nhà, đất (sau khi đền bù, giải tỏa) cho nguyên đơn là không chính xác; bởi vì, trong đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn là ông H, Ng vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; mặt khác, họ chỉ là con cháu cùng ở chung cha mẹ, ông bà nên cần tuyên sửa chỉ buộc trách nhiệm của bị đơn là phù hợp pháp luật;

[10] Buộc ông Nguyễn Sĩ H, bà Nguyễn Thị Thúy Ng có trách nhiệm hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 60m² là **2.396.352.000đ** (lấy số tròn), cho ông Mậu, bà Liên; Do giá trị căn nhà còn lại (sau khi giải tỏa, di dời) do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu, xét có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

[11] Giao căn nhà, đất có diện tích 60m² (diện tích sau khi thu hồi 83,3m² theo quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND thành phố Long Xuyên) đất tọa lạc tại số 59/3 đường LVN, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang cho ông H, Ng được quản lý, sử dụng (Kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh LX lập ngày 03/10/2018);

Các ông bà Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Sĩ H và Nguyễn Thị Thúy Ng có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký và làm các thủ tục về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà hợp pháp cho ông H, Ng theo quy định của pháp luật hiện hành;

[12] Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố LX về việc bồi thường, hỗ trợ số tiền cho hộ bà Nguyễn Thị Thúy L 426.303.548đ đã có hiệu lực pháp luật; không có khiếu nại; nguyên đơn không yêu cầu xem xét trong cùng vụ án này; Viện kiểm sát đề nghị công nhận trong phần Quyết định của Bản án;

Hội đồng xét xử không xem xét như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa; ông M, bà L liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được nhận lại số tiền này (nếu

chưa nhận)

[13] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L đã tạm ứng tổng chi phí tại Tòa án là 1.500.000đ theo phiếu chi các ngày 13/08/2018 (BL 192), ngày 01/04/2021 (BL 498) và 4.479.000đ chi phí thẩm định theo phiếu thu số 40, ngày 24/05/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á; do ông Mậu, bà L tạm ứng trước; nên buộc ông Hùng, Ng phải liên đới trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.979.000đ lại cho bà Nguyễn Thị Thúy L , Nguyễn Văn M.

Ở giai đoạn phúc thẩm có phát sinh chi phí thẩm định giá, thẩm định tại chỗ: 17.078.000đ do nguyên đơn có yêu cầu và tự nguyện chịu (nguyên đơn đã thực hiện xong)

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí cho ông M, bà L theo biên lai thu số 0005124 ngày 21/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H phải chịu 79.927.040đ; nhưng do ông H, Ng là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm; được Hội đồng xem xét cho miễn toàn bộ án phí;

[15] Án phí dân sự phúc thẩm: do bị đơn được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai; Điều 105, 115, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L ;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Sĩ H, bà Nguyễn Thị Thúy Ng;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX;

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H có trách nhiệm bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 2.396.352.000đ; đối với giá trị đất diện tích 60m² đất tọa lạc tại số 59/3 đường LVN, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang cho ông Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Thúy L ;

- Ông Nguyễn Sĩ H, bà Nguyễn Thị Thúy Ng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 60m² nhà, đất ở tọa lạc tại số 59/3 đường LVN, khóm BL, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang; (Kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh LX lập ngày 03/10/2018) ;

Các ông, bà Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Sĩ H và Nguyễn Thị Thúy Ng có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký và làm các thủ tục về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Sĩ H, Nguyễn Thị Thúy Ng đối với bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Nguyễn Văn M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01711 QSDĐ/Aa, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 143,30m² do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 13/5/2002 cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy L;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thúy L đã tạm ứng tổng chi phí tại Tòa án là 1.500.000đ theo phiếu chi các ngày 13/08/2018 (BL 192), ngày 01/04/2021 (BL 498) và 4.479.000đ chi phí thẩm định theo phiếu thu số 40, ngày 24/05/2021 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á; tổng cộng 5.979.000đ; do ông M, bà L tạm ứng trước, nên buộc ông H, Ng phải liên đới trách nhiệm hoàn lại số tiền 5.979.000đ lại cho bà Ng, ông M;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí cho ông Mậu, bà L theo biên lai thu số 0005124 ngày 21/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thúy Ng, ông Nguyễn Sĩ H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Về án phí phúc thẩm: Ông H, Ng được miễn án phí;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- *Lưu: HS.*

Nguyễn Văn Sơn